

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2018/HS-PT

Ngày: 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Tấn Trường
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Lê Phước Thanh
	Ông Phạm Việt Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 301/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo: Nguyễn Công Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1/ Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Công Đ, sinh năm 1987, nơi sinh: tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT: tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do (nguyên là Trình dược viên của công ty cổ phần dược phẩm C – chi nhánh Gia Lai); tình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; vợ: La Mẫn N (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2015. Tiền án: không; tiền sự: không; Bị bắt ngày 18/08/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T20 - Công an tỉnh Gia Lai. (có mặt tại phiên tòa).

2. Những người tham gia tố tụng khác:

2.1 Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Mai Văn T – Luật sư Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. (có mặt).

2.1 Người bị hại

Công ty Cổ phần Dược phẩm C. Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn S,

Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc là *Người đại diện theo pháp luật của công ty*; Ông Võ Minh T, sinh năm 1977, Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm C tại Gia Lai có địa chỉ: phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là *Người đại diện theo ủy quyền* (văn bản ủy quyền số 39/CTD chứng thực số 1685 ngày 26/11/2018 của UBND phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. về hành vi phạm tội của bị cáo:

Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm C tại Gia Lai (gọi tắt là Chi nhánh Gia Lai) được thành lập theo Quyết định số 05/QĐTL-CTD ngày 12/05/2008 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm C. Chi nhánh Gia Lai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500202535-028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/08/2013 do ông Võ Minh T làm Giám đốc. Công ty hoạt động theo mô hình cổ phần hóa với 100% vốn tự nhân.

Nguyễn Công Đ được nhận vào làm thử việc tại Chi nhánh Gia Lai từ tháng 5/2013, nhiệm vụ ban đầu được phân công bán hàng (thuốc tân dược) tại địa bàn các huyện phía đông tỉnh Gia Lai. Đến ngày 02/Q1/2014, Công ty ký Hợp đồng lao động số 02/HĐ.CTD.14 với Đ, thời hạn 12 tháng, thuộc nhân viên của Chi nhánh Gia Lai.

Từ tháng 11/2013 đến cuối năm 2014, Đ được phân công phụ trách bán hàng, phát triển khách hàng mới và thu hồi công nợ các khách hàng của Chi nhánh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để nộp về Chi nhánh. Ngoài khách hàng cũ thì Đ còn tự liên hệ tìm kiếm phát triển khách hàng mới, cung cấp thông tin khách hàng cho Chi nhánh để tiến hành ký hợp đồng mua bán thuốc tân dược. Sau khi Chi nhánh ký hợp đồng thì giao cho Đ khai thác bán hàng. Khách hàng đặt mua hàng thì đăng ký thông qua Đ, Đ gọi điện về báo cho Chi nhánh để làm thủ tục xuất, gửi hàng qua Đắk Lắk cho Đ, bộ phận Kế toán nhập đơn hàng vào phần mềm kế toán để theo dõi công nợ. Chi nhánh gửi hàng qua cho Đ tại địa chỉ: số 08 P, Tp B, Đắk Lắk (đây là căn nhà Chi nhánh thuê cho Đ ở để làm việc), gửi kèm theo hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) và phiếu xuất kho, gửi qua bằng các xe khách tuyến P, G - B, Đắk Lắk hoặc xe của Công ty. Một số khách hàng có địa chỉ bên đường Quốc lộ 14 thì Đ điện thoại cho các lái xe giao trực tiếp cho khách hàng, sau đó Đ đến xác nhận, đối chiếu công nợ và thu tiền của khách hàng. Tất cả thuốc của Chi nhánh gửi qua Đắk Lắk thì Đ đều nhận đầy đủ số lượng và chủng loại. Khi thu tiền của khách hàng Đ nộp tiền về Chi nhánh theo 2 cách: Chuyển tiền vào tài khoản số 63110000348000 hoặc tài khoản số 73010000008023 hoặc nộp tiền mặt trực tiếp cho ông Võ Minh T — Giám đốc hoặc ông Võ Nguyên L - Quản lý bán hàng (có lập phiếu thu).

Theo quy định của Chi nhánh tại Quy chế bán hàng của Công ty và quy chế của Chi nhánh thì Đ phải thu tiền dứt điểm từng đơn hàng trong vòng 30 ngày và mở sổ theo dõi công nợ chi tiết đối với từng khách hàng; mỗi lần thu tiền thì Đ phải viết phiếu thu, khách hàng ký xác nhận vào sổ theo dõi công nợ. Nhưng trên thực tế Đ đã không thực hiện đúng với quy định của Công ty và Chi nhánh, mà khi thu tiền của khách hàng, Đ lập phiếu thu ít hơn thực tế hoặc không viết phiếu thu, sau đó về viết phiếu thu thể hiện số tiền ít hơn số tiền mà khách hàng đã nộp cho Đ, số tiền còn lại Đ đã thu của khách hàng Đ bỏ ngoài sổ sách và báo cáo gian dối với Chi nhánh là khách hàng đang còn nợ tiền để Đ chiếm đoạt số tiền này tiêu xài cá nhân.

Quá trình phụ trách việc bán hàng tại thị trường tỉnh Đắk Lắk, Đ báo số dư nợ lên quá lớn nên cuối quý III/2014, Chi nhánh đã yêu cầu Đ viết kiểm điểm, giải trình công nợ của khách hàng thì Đ vẫn tiếp tục cho rằng do khách hàng nợ quá hạn và cam kết đến ngày 15/12/2014 sẽ thu hồi nợ. Đầu tháng 12/2014 thì Chi nhánh cho Đ tạm ngưng công việc vì không thực hiện đúng cam kết nộp lại tiền cho Chi nhánh. Đến ngày 15/12/2014 thì Chi nhánh phát hiện việc Đ cung cấp thông tin khách hàng sai thực tế, việc các khách hàng đã thanh toán đầy đủ tiền mua thuốc cho Đ nhưng Đ không nộp đủ về Chi nhánh. Chi nhánh đã yêu cầu Đ trả lại tiền cho Chi nhánh nhưng Đ không trả.

Quá trình điều tra xác định được : Trong thời gian làm việc cho Công ty Cổ phần Dược phẩm C- Chi nhánh Gia Lai thì Nguyễn Công Đ có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của Chi nhánh thông qua việc bán hàng thuốc tân dược cho 47 khách hàng. Tổng số hàng thuốc tây tân dược mà Nguyễn Công Đ nhận từ Công ty Cổ phần Dược phẩm C - Chi nhánh Gia Lai để bán cho 47 khách hàng do Đ cung cấp thông tin khách hàng cho Chi nhánh để Chi nhánh lập hợp đồng bán thuốc, giao thuốc cho Đ bán cho các khách hàng này có giá trị thành tiền là : 5.113.947.289đ (năm tỷ, một trăm mười ba triệu, chín trăm bốn bảy nghìn, hai trăm tám chín đồng), số tiền mà Đ nộp về Chi nhánh là: 3.337.578.317đ (ba tỷ, ba trăm ba bảy triệu, năm trăm bảy tám nghìn, ba trăm mười bảy đồng), số tiền còn lại 1.922.238.972 (Một tỷ chín trăm hai hai triệu, hai trăm ba tám nghìn, chín trăm bảy hai đồng) Nguyễn Công Đ không nộp về Chi nhánh mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần Dược phẩm C Chi nhánh Gia Lai được thể hiện như sau :

Trong tổng số 47 khách hàng (người mua thuốc) mà Đ cung cấp thông tin cho Chi nhánh ký kết việc mua bán thuốc tây thì có 18 khách hàng là Đ cung cấp thông tin giả, sai sự thật như: Không có nhà thuốc thực tế theo tên gọi hoặc địa chỉ như Đ cung cấp, hoặc có nhà thuốc theo tên gọi và địa chỉ như Đ cung cấp nhưng cơ sở này không liên hệ mua thuốc của Chi nhánh, hoặc có tên gọi, có địa chỉ nhưng không phải kinh doanh mua bán thuốc tân dược mà kinh doanh mặt hàng khác... để Chi nhánh tin tưởng là có khách hàng thật, có đăng ký mua thuốc thật nên đã làm hợp đồng mua bán với các khách hàng giả này giao cho Đ ký kết. Sau khi ký hợp đồng thì Đ nhận lấy thuốc với tổng giá trị thành tiền là

1.824.699.920 đồng (Một tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi đồng) để bán ra ngoài lấy tiền rồi nộp về Chi nhánh chỉ với số tiền 1.072.030.686 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, không trăm ba mươi ngàn, sáu trăm tám sáu đồng), số tiền còn lại 832.845.134 đồng (Tám trăm ba mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi tư đồng) Đ chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể Đ kê khai số tiền thuộc của các Quầy sau còn nợ nhưng thực chất Đ chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần Dược phẩm C- Chi nhánh Gia Lai là :

1. NHÀ THUỐC H- Kiôt số 4, chợ B, Đăk Lăk với số tiền là : 236.188.525 đồng .
2. NHÀ THUỐC P- Đăk Lăk với số tiền là : 133.042.578 đồng
3. NHÀ THUỐC N- Gia Lai với số tiền là: 103.353.484 đồng .
4. NHÀ THUỐC C - TP. B, Đăk Lăk, với số tiền là : 89.921.516 đồng
5. NHÀ THUỐC A - Đăk Lăk với số tiền là 39.133.672 đồng.
6. NHÀ THUỐC L –thành phố B, tỉnh Đăk Lăk với số tiền là 35.581.160 đồng .
7. QUẦY THUỐC TÂY P- Đăk Lăk với số tiền là: 34.652.800 đồng .
8. PHÒNG KHÁM BÁC SĨ C - Đăk Lăk với số tiền là: 20.804.422 đồng .
9. QUẦY THUỐC T- Đăk Lăk với số tiền là : 18.426.260 đồng.
10. NHÀ THUỐC T-, B, Đăk Lăk với số tiền là: 16.927.980 đồng .
11. ĐẠI LÝ THUỐC TÂY C,- Đăk Lăk với số tiền là : 12.959.232 đồng .
12. QUẦY THUỐC TÂY SỐ X - Đăk Lăk với số tiền là : 7.427.390 đồng

13. QUẦY THUỐC N - Đăk Lăk với số tiền là : 5.488.250 đồng .

14. QUẦY THUỐC SỐ Y - Đăk Lăk với số tiền là 4.684.742 đồng .

15. QUẦY THUỐC TAY B- Đăk Lăk với số tiền là : 2.275.000 đồng.

16. QUẦY THUỐC C - Đăk Lăk với số tiền là 1.785.000 đồng .

17. QUẦY THUỐC P - Đăk Lăk với số tiền là 1.020.123 đồng .

18. QUẦY THUỐC TÂY số Z - Gia Lai với số tiền là 69.173.000 đồng

Tổng cộng số tiền mà Đ dụng thủ đoạn gian dối cung cấp thông tin sai sự thật để Chi nhánh giao thuốc cho Đ bán để Đ chiếm đoạt 1 phần với số tiền là: 832.845.134 đồng.

Đ khai số thuốc này Đ bán cho một người tên là Nguyễn Thị Trúc Linh ở Đăk Lăk nhưng không biết địa chỉ cụ thể.

Còn lại 29/47 khách hàng là có thật, Chi nhánh đã giao thuốc cho Đ bán có giá trị thành tiền là 3.209.071.469 đồng (Ba tỷ, hai trăm lẻ chín triệu, không trăm bảy một ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng) Đ đã giao thuốc cho khách hàng và nhận tiền đầy đủ, nhưng quá trình bán hàng, nhận tiền, Đ đã lợi dụng việc khách hàng không quan tâm nhận phiếu thu tiền nên Đ viết phiếu thu với số tiền ít hơn số tiền thực thu; hoặc khi thu tiền Đ không lập phiếu thu theo quy định và sau đó Đ tự viết phiếu thu ghi số tiền ít hơn số tiền thực thu để nộp về Chi nhánh chỉ với số tiền 2.265.547.631 đồng (Hai tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm ba một đồng), số tiền còn

943.523.838 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm ba tám đồng) Đ bỏ ngoài sổ sách và chiếm đoạt. Cụ thể Đ đã bán hàng, đã thu đầy đủ số tiền bán hàng cho 29 khách hàng sau đây, nhưng bỏ ngoài sổ sách 1 phần tiền để chiếm đoạt tiền của Chi nhánh như sau :

1. QUẦY THUỐC TÂY SỐ Z – K, số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 204.490.944 đồng.

2. NHÀ THUỐC A - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 117.250.263 đồng.

3. QUẦY THUỐC TÂY SỐ Y - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 106.007.310 đồng

4. NHÀ THUỐC C - TP B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 86.188.957 đồng

5. THUỐC TÂY A - B, Đắc Lắc, số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 53.931.143 đồng.

6. NHÀ THUỐC B- TP. B, Đắc Lắc, số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là: 49.593.600 đồng.

7. NHÀ THUỐC O - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 40.563.587 đồng.

8. QUẦY THUỐC SỐ I - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 13.068.700 đồng

9. QUẦY THUỐC V - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 627.807 đồng.

10. QUẦY THUỐC SỐ T - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 7.175.450đ.

11. QUẦY THUỐC TÂY SỐ O - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 27.483.364 đồng.

12. NHÀ THUỐC DOANH NGHIỆP SỐ P- TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là: 37.874.682đ

13. QUẦY THUỐC TÂY V - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 33.375.368 đồng.

14. QUẦY THUỐC TÂY SỐ L - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 31.506.798 đồng

15. QUẦY THUỐC SỐ K - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 27.547.661 đồng .

16. QUẦY THUỐC TÂY Số J - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là : 24.877.400 đ

17. QUẦY THUỐC TÂY số H - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 16.739.376 đồng.

18. NHÀ THUỐC DOANH NGHIỆP SỐ G – Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là: 10.964.540 đồng

19. NHÀ THUỐC P - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 10.418.350 đồng.

20. QUẦY THUỐC TÂY M - Đắc Lắc (Đối diện chợ) số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là: 9.436.446 đồng.

21. QUẦY THUỐC DN SỐ F - TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 8.900.720 đồng.

22. NHÀ THUỐC S - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 8.670.000 đồng.

23. QUẦY THUỐC DOANH NGHIỆP SỐ D- Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là: 7.899.986 đồng.

24. NHÀ THUỐC TS- TP. B, Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 4.000.524 đồng.

25. QUẦY THUỐC TÂY HT - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 1.495.130đ.

26. QUẦY THUỐC SỐ S - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 1.137.500 đồng

27. QUẦY THUỐC TH - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 915.269đ

28. QUẦY THUỐC TÂY TK - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 770.000 đồng.

29. QUẦY THUỐC SỐ A - Đắc Lắc số tiền còn lại không kê khai để chiếm đoạt là 612.663 đồng.

Tổng cộng : 943.523.838 đồng. (chín trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi tám đồng) .

Ngoài ra, Đ còn được Chi nhánh giao quản lý số hàng (thuốc tân dược); trị giá 145.870.000đ (Một trăm, bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng Đ đã lấy thuốc bán ra ngoài lấy tiền chiếm đoạt.

Tổng cộng Đ đã chiếm đoạt của Chi nhánh số tiền bán thuốc cho 29 khách hàng và số hàng mà Chi nhánh giao cho Đ quản lý là : 1.089.393.838đ

Quá trình điều tra bà Lê Thị Minh Sang là chị họ của Đ cũng là chủ Quầy thuốc Tây số 13 đã khắc phục hậu quả giúp Đ số tiền 69.173.000đ

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-P3 ngày 23/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố Nguyễn Công Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

b. Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa:

Nguyễn Công Đ thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do bị cáo muốn đẩy nhanh việc tiêu thụ nhiều sản phẩm và một phần muốn có tiền tiêu xài. Bị cáo không chia tiền chiếm đoạt cho ai mà chỉ xài cá nhân, những người đã giao thuốc hay mua thuốc của bị cáo đều không biết bị cáo có ý định chiếm đoạt, bị cáo cũng không bàn bạc với ai. Bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hiện nay bị cáo không có tài sản gì để bồi thường. Đề nghị trừ khoản tiền 69.173.000đ bị

cáo đã nhờ người thân nộp, phần còn lại sau khi chấp hành án xong bị cáo sẽ trả dần.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Công Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 24 đến 26 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

Buộc bị cáo phải trả cho Công ty cổ phần Dược phẩm C chi nhánh Gia Lai 1.922.238.972 đồng. Tạm giữ số tiền 69.173.000đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Mai Văn T cho rằng nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do áp lực tiêu thụ sản phẩm và có một phần là do sự buông lỏng quản lý của cán bộ có trách nhiệm của Công ty. Bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại, ngoài ra bị cáo còn khai ra các hành vi phạm tội giúp cho cơ quan tố tụng sớm kết thúc vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt của cả hai tội.

Đại diện Công ty cổ phần Dược phẩm C trình bày: Hiện nay Công ty hoàn toàn là của tư nhân, không có vốn nhà nước. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo như bản cáo trạng nêu là đúng. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của Công ty. Nay đề nghị tòa buộc bị cáo phải trả lại Công ty số tiền 1.922.238.972 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra Công ty không yêu cầu gì khác.

Đại diện Công ty cổ phần Dược phẩm C chi nhánh Gia Lai trình bày: Nhất trí như ý kiến của Đại diện Công ty cổ phần Dược phẩm C, số tiền bị cáo chiếm đoạt là của Đại diện Công ty cổ phần Dược phẩm C. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

Tuyên bố Nguyễn Công Đ phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Công Đ 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Công Đ 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tổng hợp hình phạt của nhiều tội: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; trách nhiệm dân sự, quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2018 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị cáo bổ sung thêm là số thuốc được giao quản lý có giá trị 145.870.000đ bị cáo đã lấy bán cho nhà thuốc 37 Lê Hồng Phong thành phố B với số tiền thấp hơn. Những việc làm sai trái trên là do áp lực công việc chạy đua theo số lượng nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trong đơn kháng cáo nên bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án cho rằng: Về tố tụng, HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người đúng tội. Xét hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra thì mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là tương xứng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp được chứng cứ hoặc tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt, do vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo trong hoàn cảnh bị áp lực trong công việc nên dẫn đến phạm tội. Khi bị phát hiện, bị cáo đã tích cực hỗ trợ các cơ quan chức năng để sớm kết thúc điều tra vụ án, nên cần áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo, ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau: Từ tháng 11/2013 đến cuối năm 2014, Nguyễn Công Đ được phân công phụ trách bán hàng, phát

triển khách hàng mới và thu hồi công nợ các khách hàng của Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm C tại Gia Lai (gọi tắt là Chi nhánh Gia Lai). Trong thời gian làm việc Đ có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của Chi nhánh thông qua việc bán hàng thuốc tân dược cho 47 khách hàng. Tổng số hàng thuốc trị giá là : 5.113.947.289đ, nhưng Đ nộp về Chi nhánh là: 3.337.578.317đ , số tiền còn lại **1.922.238.972đ** Đ không nộp về Chi nhánh mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, cụ thể có ba nhóm hành vi như sau:

[1.1] Trong tổng số 47 khách hàng Đ cung cấp thông tin cho Chi nhánh có 18 khách hàng Đ cung cấp thông tin giả, sai sự thật như: Không có nhà thuốc thực tế theo tên gọi hoặc địa chỉ như Đ cung cấp, hoặc có nhà thuốc theo tên gọi và địa chỉ như Đ cung cấp nhưng cơ sở này không liên hệ mua thuốc của Chi nhánh, hoặc có tên gọi, có địa chỉ nhưng không phải kinh doanh mua bán thuốc tân dược mà kinh doanh mặt hàng khác để Chi nhánh tin tưởng là có khách hàng thật, có đăng ký mua thuốc thật nên đã làm hợp đồng mua bán với các khách hàng giả này giao cho Đ ký kết. Sau khi ký hợp đồng thì Đ nhận lấy thuốc với tổng giá trị thành tiền là 1.824.699.920 đồng để bán ra ngoài lấy tiền rồi nộp về Chi nhánh chỉ với số tiền 1.072.030.686 đồng, số tiền còn lại Đ chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài cá nhân là **832.845.134đ**.

[1.2] Trong 29 khách hàng còn lại là có thật, Chi nhánh đã giao thuốc cho Đ bán có giá trị thành tiền là 3.209.071.469 đồng, Đ đã giao thuốc cho khách hàng và nhận tiền đầy đủ, nhưng Đ đã lợi dụng việc khách hàng không quan tâm nhận phiếu thu tiền nên Đ viết phiếu thu với số tiền ít hơn số tiền thực thu; hoặc khi thu tiền Đ không lập phiếu thu theo quy định và sau đó Đ tự viết phiếu thu ghi số tiền ít hơn số tiền thực thu để nộp về Chi nhánh chỉ với số tiền 2.265.547.631 đồng, số tiền còn Đ bỏ ngoài sổ sách và chiếm đoạt là **943.523.838đ**.

[1.3] Ngoài ra Đ còn được Chi nhánh giao quản lý số hàng là thuốc tây trị giá **145.870.000đ**, nhưng Đ đã lấy toàn bộ số thuốc này bán ra thị trường với giá thấp hơn số tiền vốn gốc để nhanh thu hồi tiền nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ số tiền bán được, nên Đ phải chịu trách nhiệm về số hàng trị giá 145.870.000đ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Với ba nhóm hành vi chiếm đoạt như trên, bị cáo đã bị truy tố hai tội là “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2.1] Với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” bị cáo chiếm đoạt số tiền **1.089.393.838đ** , bao gồm 943.523.838 đ tiền hàng trên 29 khách hàng có thật và 145.870.000đ tiền hàng bị cáo quản lý và tự bán, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, hành vi chiếm đoạt từ 500.000.000đ trở lên có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, bị cáo bị xử mức thấp nhất khung hình phạt là 12 năm tù.

[2.2] Với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị cáo chiếm đoạt số tiền **832.845.134đ** tiền hàng trên 18 khách hàng không có thật, nên Tòa án cấp sơ

thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi chiếm đoạt từ 500.000.000đ trở lên có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm (là có lợi cho bị cáo), bị cáo bị xử mức thấp nhất khung hình phạt là 12 năm tù.

[2.3] Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ là bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả một phần (bị các nhờ người thân nộp được 69.173.000đ/1.922.238.972đ) ; ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo; tuy nhiên bị cáo phạm nhiều tội trong một lúc, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử mức án khởi điểm cho cả hai tội đối với bị cáo là có thỏa đáng.

[2.4] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo. Đối với ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị áp dụng tình tiết “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 là chưa đủ căn cứ. Do vậy, HĐXX thống nhất với quan điểm của kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Công Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Công Đ, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Tuyên bố **Nguyễn Công Đ** phạm các tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Công Đ **12 (mười hai) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Công Đ **12 (mười hai) năm** tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tổng hợp hình phạt của nhiều tội: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **24 (hai mươi bốn) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

2/ Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Công Đ** phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/11/2018).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng(1);
- TAND tỉnh Gia Lai (1);
- VKSND tỉnh Gia Lai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai (1);
- Cục THADS tỉnh Gia Lai (1);
- Công an tỉnh Gia Lai (1);
- Trại giam CA tỉnh Gia Lai (1);
- Bị cáo (Trại giam CA Gia Lai tổng đạt cho bị cáo)(1)
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo (thay cho việc thông báo bằng văn bản) (1)
- Bị hại ()
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ()
- Lưu hồ sơ (1), án văn (1), văn phòng (2).TC .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN TẤN TRƯỜNG